

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 270/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 05 năm 2025 về việc “Xin ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Chị HTT, sinh năm 1987;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Căn hộ 2002 Tòa A chung cư Goldenland, 275 NT, phường TXT, quận TX, TP. Hà Nội (nay Căn hộ 2002 Tòa A chung cư Goldenland, 275 NT, phường TX, thành phố Hà Nội).

Bị đơn: Anh NCN, sinh năm 1985;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Căn hộ 2002 Tòa A chung cư Goldenland, 275 NT, phường TXT, quận TX, TP. Hà Nội (nay Căn hộ 2002 Tòa A chung cư Goldenland, 275 NT, phường TX, thành phố Hà Nội).

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 07 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 07 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị HTT và anh NCN.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Về con chung: Chị HTT và anh NCN có 02 con chung là cháu NCH, sinh ngày 19/01/2012 và cháu NCT, sinh ngày 07/06/2016. Ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu NCH cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu NCT kể từ khi có quyết định ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh N không ai phải đóng góp nuôi con chung cho nhau kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị T và anh N có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.2]. Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị T, anh N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.3]. Về công nợ: Chị T, anh N xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[2.4] Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị HTT tự nguyện chịu cả số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0037347 ngày 27/05/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TX, TP. Hà Nội (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Hà Nội).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội
- VKSND Khu vực 2 – Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Hà Nội;
- UBND xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa).
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu Hiền